TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/KDTM-PT.
Ngày: 26/5/2023.
V/v: "Tr/c hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Hoàng Thị Thu Hường***;

Các Thẩm phán: Bà ***Nguyễn Thị Kim Hường;***

Bà ***Huỳnh Thị Út Mẫn.***

- Thư ký phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Ngọc Mỹ*** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông ***Lương Quang Hùng*** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 và ngày 26 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2022/KDTM-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐPT-KDTM ngày 07 tháng 04 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - **Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.**

Trụ sở chính: , phường T, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đình L**- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Hoàng Trung N**- Chức vụ: Phó giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản.

Địa chỉ: quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Nguyễn Văn T**- Chức vụ: Chuyên viên tố tụng- Phòng QLKH Tây Nam Bộ- Khối quản lý và tái cấu trúc tài sản Bank.

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H**

Địa chỉ: thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

(Ông T và bà T có mặt tại phiên tòa; ông L xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - ông Nguyễn Văn T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ trình bày:***

Vào ngày 27/5/2011, Doanh nghiệp tư nhân (viết tắt là DNTN) H do bà Nguyễn Thị T là chủ doanh nghiệp cùng Ngân hàng TMCP P, nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Bank) đã cùng ký kết hợp đồng cho vay số 2505/2011/HĐHM-DN.RG ngày 27-5-2011 như sau: thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh phân phối bột giặt, thực phẩm; Số tiền giải ngân là 400.000.000đ.

Để đảm bảo hợp đồng vay, DNTN H do bà Nguyễn Thị T là chủ doanh nghiệp đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DN.RG ngày 26-5-2011 gồm: Bất động sản chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 315193 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 14/10/2010, thửa số 1671, tờ bản đồ số 3, diện tích 777,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 27/5/2011.

Trong quá trình vay vốn DNTN H do bà Nguyễn Thị T là chủ doanh nghiệp không thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết.

Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 gồm lãi trong hạn: 20.930.535đ; Lãi quá hạn là 1.471.894.226đ. Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Nếu bị đơn không thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị cơ quan pháp luật kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Bank.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị T- chủ Doanh nghiệp tư nhân H trình bày:***

Vào ngày 27/5/2011, DNTN H do bà là chủ doanh nghiệp cùng Ngân hàng TMCP P, nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (Bank) đã cùng ký kết hợp đồng cho vay số 2505/2011/HĐHM-DN.RG ngày 27/5/2011 như sau: Thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh phân phối bột giặt, thực phẩm; Số tiền giải ngân là 400.000.000đ.

Để đảm bảo hợp đồng vay DNTN H thì vợ chồng bà đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DN.RG ngày 26/5/2011 gồm: Bất động sản chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 315193 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 14/10/2010, thửa số 1671, tờ bản đồ số 3, diện tích 777,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu.

Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 27/5/2011.

Trong quá trình vay vốn do Ngân hàng thay đổi trụ sở nên DNTN H không tìm được trụ sở để trả nợ cho Ngân hàng. Mặt khác, khi Ngân hàng thay đổi trụ sở không có báo cho DNTN H biết, đến khoảng năm 2014 do công việc làm ăn khó khăn nên doanh nghiệp ngưng hoạt động kinh doanh, vợ chồng đi về quê ở Hà Nam sinh sống. Sau đó vợ chồng bà có liên hệ với Ngân hàng và cung cấp thông tin địa chỉ của vợ chồng bà để Ngân hàng liên hệ, đồng thời vợ chồng bà có gửi đơn đến Ngân hàng xin giảm lãi nhưng vẫn chưa được phản hồi.

Hiện nay, bà thừa nhận Doanh nghiệp tư nhân H do bà làm chủ doanh nghiệp còn nợ của Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc là 400.000.000 đồng và lãi trong hạn: 20.930.535đ.

Đối với tiền lãi quá hạn là 1.471.894.226đ và lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ thì hiện nay doanh nghiệp khó khăn không còn hoạt động và do phần thời gian qua Ngân hàng thay đổi trụ sở không liên lạc được nên bà xin Ngân hàng giảm tiền lãi quá hạn là 1.471.894.226đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Nay bà xin trả gốc với số tiền là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 150.000.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là: 550.000.000 đồng, phần lãi còn lại thì xin miễn do không còn khả năng trả nợ, doanh nghiệp không còn hoạt động.

Nếu trường hợp Doanh nghiệp tư nhân H do bà làm chủ doanh nghiệp không thanh toán được số nợ 550.000.000 đồng nói trên, thì bà đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho cơ quan pháp luật kê biên phát mãi tài sản để thu hồi nợ (số tiền 550.000.000 đồng) cho Ngân hàng.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn L có ý kiến:***

Ông có dùng tài sản của vợ chồng ông thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản nợ vay của DNTN H do bà T làm chủ doanh nghiệp. Nay Ngân hàng khởi kiện DNTN H yêu cầu DNTN H thanh toán nợ cho Ngân hàng thì ông yêu cầu cho DNTN H thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng còn phần tiền lãi xin Ngân hàng miễn giảm vì hiện nay DNTN H không còn hoạt động kinh doanh nên không có khả năng trả lãi xin miễn giảm lãi phạt. Ông và bà T xin trả gốc với số tiền là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 150.000.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là: 550.000.000 đồng, phần lãi còn lại thì xin miễn do không còn khả năng trả nợ, doanh nghiệp không còn hoạt động.

Nếu trường hợp DNTN H không trả gốc, lãi được cho Ngân hàng số tiền gốc lãi 550.000.000 đồng thì ông đồng ý giao toàn bộ tài sản thế chấp cho cơ quan pháp luật kê biên phát mãi tài sản để thu hồi nợ *(số tiền 550.000.000 đồng)* cho Ngân hàng.

*** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2022/KDTM-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T- Chủ

DNTN H.

2 - Buộc bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn gốc là và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 gồm: Vốn gốc 400.000.000đồng, lãi trong hạn: 20.930.535đồng; Lãi quá hạn là 1.471.894.226đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H không trả số nợ trên thì bà Thuý còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán dứt nợ.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng phải hoàn trả lại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DN.RG ngày 26/5/2011 cho bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý tài sản thế chấp, án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Ngày 10/01/2023, bà Nguyễn Thị T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H có đơn kháng cáo với nội dung:**

Bản án sơ thẩm áp dụng không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của tôi. Ngân hàng không trung thực trong các lần làm việc, vi phạm pháp luật trong cách tính lãi. Ngân hàng gian dối trong việc nói không thể liên lạc với chúng tôi, thực tế chúng tôi là người đã trực tiếp đi kiếm ngân hàng P và đã vào làm việc với Ngân hàng vào ngày 21/8/2018.

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án thẩm theo hướng tôi yêu cầu trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và trả tiền lãi 150.000.000 đồng. Tổng số tiền trả là 550.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm**:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 gồm lãi trong hạn: 20.930.535đ; Lãi quá hạn là 1.471.894.226đ. Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 31/12/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ.

- Bị đơn có ý kiến: Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét việc Ngân hàng không thông báo việc dời trụ sở và sát nhập Ngân hàng cho bị đơn biết, không tìm kiếm

bị đơn để yêu cầu thanh toán nợ, cố tình để thời gian kéo dài với lãi suất cao để tính nợ lãi cho bị đơn số tiền quá lớn; bị đơn phải chủ động đi tìm kiếm Ngân hàng để yêu cầu xin giảm lãi nhưng Ngân hàng không giải quyết kéo dài rồi kiện ra Tòa, gây thiệt hại rất lớn cho bị đơn. Hiện bị đơn chỉ đồng ý trả vốn gốc 400 triệu đồng; tiền lãi là 150 triệu đồng (bao gồm cả phần nợ trong hạn đã trả trước đây là 23.970.795 đồng).

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án:

Hợp đồng tín dụng ký kết và thỏa thuận về mức lãi suất giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật.

Theo quy định Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Căn cứ quy định trên thì thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn đã hết. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 155 Bộ luật dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu trong trường hợp "yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác". Do đó, Ngân hàng chỉ có quyền khởi kiện bà T – Chủ DNTN H đòi lại tài sản số tiền nợ gốc 400 triệu đồng, yêu cầu trả lãi của Ngân hàng là đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đã hết thời hiệu khởi kiện nên các thỏa thuận về lãi suất sau khi bản án có hiệu lực pháp luật không được tính theo lãi suất hai bên thỏa thuận. Án sơ thẩm tuyên lãi suất chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là không đúng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm. Buộc bà T-Chủ DNTN H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 400 triệu đồng và ghi nhận sự tự nguyện của bà T đồng ý trả tiền lãi cho Ngân hàng 150 triệu đồng, bà T đã trả lãi trước đó được 23.970.795 đồng, còn phải trả số tiền 526.029.205 đồng. Sửa phần buộc thanh toán lãi suất phát sinh theo hợp đồng, sửa án phí và đình chỉ đối với số tiền 1.366.795.556 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 – Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cho thấy:

Bà Nguyễn Thị T - chủ DNTN H và Ngân hàng TMCP P, nay là Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2505/2011/HĐHM-DN.RG ngày 27/5/2011, thời hạn vay 12 tháng, mục đích bổ sung vốn kinh doanh phân phối bột giặt, thực phẩm; Số tiền giải ngân là 400.000.000đ. Để đảm bảo hợp đồng vay bà Nguyễn Thị T - Chủ DNTN H đã thế chấp tài sản cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DN.RG ngày 26/5/2011 gồm: Bất động sản chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 315193 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 14/10/2010, thửa số 1671, tờ bản đồ số 3, diện tích 777,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu.

Ký kết kèm theo Hợp đồng hạn mức tín dụng là Khế ước nhận nợ ngày 27/5/2011 thể hiện số tiền vay 400.000.000 đồng; Ngày rút tiền 27/5/2011; Thời hạn vay 06 tháng; Lãi suất: 21,8%/năm cho 01 tháng đầu tiền. Sau đó sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần theo công thức: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ thông thường lãnh lãi cuối kỳ của kỳ hạn 12 tháng cộng (+) biên độ tối thiểu 0,65%/ tháng, biên độ tối thiểu sẽ được điều chỉnh theo thông báo của Western Bank.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 27/5/2011 đến ngày 26/11/2011 bà Nguyễn Thị T – Chủ DNTN H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trong Hợp đồng.

Ngày 05/01/2021 (BL61), Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn trả số tiền vay gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 gồm lãi trong hạn: 20.930.535đ; Lãi quá hạn là 1.471.894.226đ. Tổng cộng gốc và lãi là 1.892.824.761đ và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày

31/2/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ. Trường hợp bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, yêu cầu Toà án buộc phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp của bên vay để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tòa cấp sơ thẩm xử chấp nhận chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 400.000 triệu đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 là 1.892.824.761đồng.

Sau khi xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và trả tiền lãi 150.000.000 đồng.

Thấy rằng: Hợp đồng tín dụng được các bên ký kết ngày 27/05/2011 trên cơ sở tự nguyện, thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật. Tuy nhiên, đến ngày 26/11/2011 bà Nguyễn Thị T – Chủ DNTN H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, không trả nợ theo như thỏa thuận ký kết trong Hợp đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng cho rằng Hợp đồng tín dụng vẫn đang được duy trì, do bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương và Ngân hàng đã tiến hành tìm kiếm và xác minh địa chỉ bị đơn nhưng không được, khi sáp nhập thành Ngân hàng TMCP Đ và dời trụ sở thì chỉ thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, không thông báo cho khách hàng (cụ thể là bị đơn) về thông tin này. Đến năm 2018 thì Ngân hàng có làm việc với bị đơn, sau đó năm 2021 tiến hành khởi kiện bị đơn.

Tại phiên tòa, bà T cho rằng, thời điểm đến kỳ hạn thanh toán nợ, doanh nghiệp vẫn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký, do Ngân hàng dời trụ sở và sáp nhập không cho thông báo cho bà biết nên khi vợ chồng bà về quê Hà Nam sinh sống không thể báo địa chỉ cho Ngân hàng. Đến năm 2018, do bà tự tìm kiếm thông tin trụ sở của Ngân hàng và đã đến Ngân hàng đề nghị được trả nợ gốc, yêu cầu xem xét miễn giảm tiền lãi, tại buổi làm việc giữa hai bên có được lập thành biên bản.

Đối chiếu các tài liệu thể hiện: Ngày 06/11/2014, Ngân hàng có văn bản số 01/CVXM về việc xác minh tình trạng hoạt động của Doanh nghiệp tư nhân H. Ngày 07/11/2014 Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang ban hành Thông báo số 890/TB-ĐKKD với nội dung: Doanh nghiệp tư nhân H chưa đăng ký giải thể và chưa nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp.

Ngày 10/11/2014, Ngân hàng có Công văn số 07/CVXM về việc yêu cầu Công an xã xác minh địa chỉ của bị đơn. Qua kết quả xác minh ngày 10/11/2014 của Công an xã Bình An, huyện Châu Thành thể hiện: Ông Lê Văn L, sinh năm

1980 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1984 có địa chỉ thường trú tại tổ 1, ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Nhưng ông L, bà T đã bỏ địa phương đi từ năm 2012 đến nay, không trình báo địa phương, đi đâu không rõ.

Sau khi xác minh địa chỉ của bị đơn và tình trạng hoạt động của doanh nghiệp tư nhân H, Ngân hàng cũng không có yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn .

Đến ngày 21/9/2018, giữa đại diện Ngân hàng với bị đơn mới tiến hành làm việc và lập biên bản về vấn đề xử lý nợ. Điều này phù hợp với lời trình bày của bị đơn về thời gian là năm 2018 do bị đơn chủ động tự tìm kiếm Ngân hàng và đến tại trụ sở Ngân hàng yêu cầu được trả nợ gốc và miễn giảm tiền lãi.

Tại biên bản làm việc, Ngân hàng xác định thời gian bị đơn phải tất toán khoản vay và bàn giao tài sản cho Ngân hàng xử lý thu hồi nợ tối đa là 45 ngày. Tuy nhiên, qua thời gian này bị đơn chưa thanh toán nợ nhưng Ngân hàng vẫn không khởi kiện đối với bị đơn, đến ngày 05/01/2021 Ngân hàng TMCP Đ mới khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét buộc bị đơn trả số tiền vay gốc và lãi còn nợ từ thời điểm hết hạn hợp đồng.

Theo quy định tại Điều 472 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định thời hiệu khởi kiện là 02 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Áp dụng Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 về Điều khoản chuyển tiếp đối với vụ án này Tòa án cần áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết. Vì vậy, áp dụng Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 và Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao để tính thời hiệu khởi kiện, trong trường hợp này thì thời hiệu khởi kiện được tính là 03 năm kể từ ngày 27/11/2011. Nhưng đến ngày 05/01/2021, Ngân hàng TMCP Đ mới nộp đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang là đã hết thời hiệu khởi kiện.

Tuy nhiên, theo Giải đáp một số vướng mắc trong xét xử số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân tối cao, tại Phần III mục 2 và 3 có nêu rõ "…theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp "yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác". Do đó, ngân hàng có thể khởi kiện đòi lại tài sản (nợ gốc), Tòa án thụ lý giải quyết mà không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết.

Như vậy, Ngân hàng có quyền yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H trả nợ gốc 400.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đồng ý trả số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 150.000.000 đồng (trong đó phần tiền lãi bao gồm số tiền đã trả trước là 23.970.795 đồng). Xét thấy, việc đồng ý trả tiền lãi 150 triệu đồng là sự tự nguyện của bị đơn nên ghi nhận. Như vậy, tổng số tiền bị đơn còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 526.029.205 đồng.

Do đã hết thời hiệu khởi kiện nên đối với số tiền lãi còn lại là 1.366.795.556 đồng: Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị T – Chủ doanh nghiệp tư nhân H phải trả cho Ngân hàng là không có cơ sở xem xét, nên cần thiết đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi.

Đồng thời, do hết thời hiệu khởi kiện nên không có căn cứ để buộc bị đơn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn theo lãi suất hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án Ngân hàng, người phải thi hành án bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Việc Tòa cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền vốn gốc và tiền lãi tính đến ngày 30/12/2022 là 1.892.824.761 đồng và buộc tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ là không đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H; Sửa Bản án sơ thẩm số 08/2022/KDTM-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân thành huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[3]. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T - Chủ DNTN H phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền 526.029.205 đồng còn phải thanh toán cho Ngân hàng, án phí cụ thể là: [20.000.000 đồng + (4% x 126.029.205 đồng)]= 25.041.168 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 37.630.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001478 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ DNTN H được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 147, Điều 148, Điều 184, Khoản 1 Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 429, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 90, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 02/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 và Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T – Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2022/KDTM-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T- Chủ Doanh nghiệp tư nhân H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tiền vốn gốc 400.000.000 (*Bốn trăm triệu*) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T - Chủ DNTN H đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền lãi 150.000.000 (*Một trăm năm mươi triệu*) đồng, khấu trừ số tiền lãi đã trả là 23.970.795 *(Hai mươi ba triệu chín trăm bảy*

mươi nghìn bảy trăm chín mươi lăm) đồng. Tiền lãi còn lại là 126.029.205 (*Một trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn hai trăm lẻ năm*) đồng.

Tổng số tiền bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ là 526.029.205 *(Năm trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi chín nghìn hai trăm lẻ năm)* đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về buộc bà Nguyễn Thị T - Chủ DNTN H phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi quá hạn là 1.366.795.556 (*Một tỷ ba sáu sáu triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

4. Về tài sản thế chấp:

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H không thanh toán được nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 2505/2011/HĐTC-DN.RG ngày 26/5/2011 gồm: Bất động sản chiếu theo Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 315193 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 14/10/2010 thửa số 1671, tờ bản đồ số 3, diện tích 777,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang do bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L đứng tên chủ sở hữu.

Trường hợp bà Nguyễn Thị T- Chủ DNTN H thanh toán được khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng mà không phải xử lý đến tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BA 315193 do UBND huyện Châu Thành cấp ngày 14/10/2010 thửa số 1671, tờ bản đồ số 3, diện tích 777,6m^2 tọa lạc tại ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cho bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn L.

5. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị T - Chủ DNTN H phải chịu 25.041.168 (*Hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi mốt nghìn một trăm sáu mươi tám*) đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 37.630.000 (*Ba mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi nghìn*) đồng theo Biên

lai thu tiền số 0001478 ngày 22/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T - Chủ DNTN H không phải chịu án phí phúc thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005272 ngày 10/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hường